TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 34/2019/DS-ST
Ngày: 21-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Đời.

2. Bà Võ Thị Thúy An.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận không tham gia phiên tòa.***

Trong ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2019/TLST-DS ngày 27/8/2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2019/QĐXXST-DS ngày 04/10/2019; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **D**, sinh năm 1962 và bà **P**, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà **A**, sinh năm 1956; địa chỉ: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà A là bà **L** - Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang.

Ông D, bà A, bà L có mặt; bà P có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:* Ngày 01/01/2017 dương lịch bà A có vay của vợ chồng ông D, bà P số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), mục đích vay là để trả nợ tiền bán bảo hiểm y tế cho Nhân dân, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng và trả vốn dần

hàng tháng 1.000.000 đồng, bà A có thế chấp sổ lãnh lương hưu. Sau khi vay tiền, bà A trả vốn 2.000.000 đồng thì không trả vốn nữa. Tiền lãi năm 2017 đóng được 6.700.000 đồng; tiền lãi năm 2018 đóng được 5.740.000 đồng; tiền lãi năm 2019 đóng được 1.700.000 đồng. Ông D và bà P yêu cầu bà A trả tiền vốn 28.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 31/8/2019 là 30.788.000 đồng và lãi phát sinh (5%/tháng) đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, ông D thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà A trả số nợ vốn là 28.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất quy định của pháp luật là 20%/năm, tiền lãi đến 01/10/2019 còn lại là 1.469.000 đồng.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án bà A trình bày:* Ngày 01/01/2017 bà có vay của vợ chồng ông D 30.000.000 đồng. Ngày 27/3/2017 trả 2.000.000 đồng tiền vốn; ngày 15/4/2018 trả 1.000.000 đồng tiền vốn; ngày 10/7/2018 trả 1.500.000 đồng tiền vốn. Đến tháng 08/2018 bà P thỏa thuận trả 2.000.000 đồng tiền lãi thì không tính lãi nữa, chỉ trả vốn. Bắt đầu từ 12/8/2018 góp mỗi ngày 50.000 đồng, góp tới ngày 01/12/2018 số tiền 5.570.000 đồng. Năm 2019 góp từ ngày 01/01/2019 đến ngày 08/7/2019 được 3.010.000 đồng. Việc góp tiền không có làm biên nhận; nay ông D, bà P khai trả vốn chỉ có 2.000.000 đồng là chưa đúng.

Tại phiên tòa: Bà A thống nhất số nợ vốn còn lại là 28.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 01/10/2019 còn lại là 1.649.000 đồng. Tổng cộng là 29.649.000 đồng. Bà A đề nghị được trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà A có hợp đồng vay tiền của ông D, bà P, nhưng bà A không thực hiện việc thanh toán nợ theo hợp đồng nên ông D, bà P khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ. Do đó, xác định quan hệ pháp luật vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"*.

Bà P là đồng nguyên đơn trong vụ án, có đơn đề nghị công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà P.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 01/01/2017 bà A có vay của ông D, bà P số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, hình thức thanh toán là mỗi tháng trả 1.000.000 đồng tiền vốn cộng với tiền lãi của nợ vốn. Đây là tình tiết các bên đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do hợp đồng thỏa thuận lãi suất 5%/tháng là vượt mức quy định nên tại phiên tòa các đương sự thống nhất tính lại lãi suất trong giới hạn pháp luật quy

định là 20%/năm và thống nhất tiền lãi đã đóng không khấu trừ vào nợ gốc mà tính tiền lãi theo lãi suất 20%/năm đến 01/10/2019 và khấu trừ đi tổng số tiền lãi đã đóng, tiền lãi còn lại bao nhiêu bà A sẽ trả cho ông D, bà P. Cụ thể tính lãi suất 20%/năm, tiền lãi đến ngày 01/10/2019 là 15.789.000 đồng, bà A trả được 14.140.000 đồng, còn lại tiền lãi là 1.649.000 đồng.

Bà A thống nhất trả cho ông D, bà P số nợ vốn 28.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 01/10/2019 là 1.649.000 đồng; tổng cộng là 29.649.000 đồng. Nhưng đề nghị trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng. Đề nghị của bà A không được ông D chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở công nhận sự thỏa thuận của các đương sự mà căn cứ Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự buộc bà A trả cho ông D, bà P số tiền 29.649.000 đồng, trong đó nợ vốn 28.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 01/10/2019 là 1.649.000 đồng. Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông D, bà P mà bà A không trả nợ thì hàng tháng bà A phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12, 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; yêu cầu của ông D, bà P được chấp nhận nên không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà A là người cao tuổi, đồng thời là người có công với cách mạng và có đơn đề nghị miễn tiền án phí nên Hội đồng xét xử thống nhất cho bà A miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 92, 147, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 12, 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của ông D và bà P đối với bà A; buộc bà A trả cho ông D, bà P số tiền 29.649.000 đồng (Hai mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng), trong đó nợ vốn 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng) và tiền lãi còn lại đến ngày 01/10/2019 là 1.649.000 đồng (Một triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông D, bà P mà bà A không trả nợ thì hàng tháng bà A phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà A được miễn tiền án phí.

Hoàn trả cho ông D và bà P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.444.700 đồng (Một triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006163 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Ông D, bà A có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bà P vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận